

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 – CẦN THƠ Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2026

V/v “Tranh chấp ly hôn ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Hồng

2. Ông Nguyễn Tấn Triều

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 389/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 268/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Mỹ H**, sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: Số B khu vực T, phường C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trí T** (D) sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

(*Có đơn xin giải quyết vắng mặt*).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông Nguyễn Trí T đăng ký kết hôn ngày 14/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cần Thơ (Cũ). Sau khoảng thời gian chung sống, đời

sống vợ chồng không còn hòa hợp. Ông Nguyễn Trí T bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2023 hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam T1 theo bản án hình sự 145/2023/HSST ngày 08/9/2023 mức án 09 năm tù. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, nên đề nghị được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nữ), sinh ngày 03/10/1997 và Nguyễn Kim B (Nữ), sinh ngày 23/10/2002 (Đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt và trình bày tại bản tự khai: Về quan hệ hôn nhân ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nữ), sinh ngày 03/10/1997 và Nguyễn Kim B (Nữ), sinh ngày 23/10/2002 (Đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Trí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cần Thơ (Cũ). Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn, nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có quá trình chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bị đơn bị tạm giam từ năm 2023 và hiện nay đang phải chấp hành án với mức án 09 năm tù. Hôn nhân phải xây

dựng trên nền tảng tình cảm tự nguyện và tôn trọng nhau của cả hai bên, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn, bị đơn cũng đồng ý với nguyên đơn. Thể hiện việc tình cảm vợ chồng hai bên đã hết, khả năng đoàn tụ là không thể, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của bị đơn

[3] Về con chung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nữ), sinh ngày 03/10/1997 và Nguyễn Kim B (Nữ), sinh ngày 23/10/2002 (Đã trưởng thành).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên trình bày không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này hai bên phát sinh tranh chấp hoặc tranh chấp với người khác thì có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Trí T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nữ), sinh ngày 03/10/1997 và Nguyễn Kim B (Nữ), sinh ngày 23/10/2002 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010863 ngày 27/11/2025 tại Thi hành án Dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

3. Quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND KV1-CT;
- Phòng T.H.A Dân sự KV1-CT;
- Các đương sự
- Lưu.

Phạm Thị Kim Tiến